

BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO THÔNG TƯ VÀ THÔNG TƯ 27/2016/TT-NHNN

Thông tư 27/2016/TT-NHNN		Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 27	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh. 3. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo; thông tư liên tịch giữa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được thực hiện theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định 34/2016/NĐ-CP).		Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau: “3. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo; thông tư liên tịch giữa Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, <i>Tổng Kiểm toán nhà nước</i> được thực hiện theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định 34/2016/NĐ-CP).”.	- Khoản 8a Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHVBQPPL bổ sung quy định: Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, <i>Tổng Kiểm toán nhà nước</i> , Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, theo đó, dự thảo Thông tư bổ sung đổi tượng Tổng Kiểm toán nhà nước. Do đó, dự thảo bổ sung thêm cụm từ “ <i>Tổng Kiểm toán nhà nước</i> ” phù hợp với Luật. - Cập nhật các nội dung dẫn chiếu cho phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.
		Bổ sung khoản 4 vào Điều 1 như sau: “4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, việc lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính và các nội dung khác về kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.”.	Hợp nhất Thông tư 16/2017/TT-NHNN với Thông tư 27/2016/TT-NHNN để đảm bảo việc theo dõi văn bản cho thuận tiện.

Điều 10. Lập đề nghị xây dựng nghị định	Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:	Hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHVBQPPL đã sửa đổi, bổ sung quy trình lập đề nghị xây dựng ND, theo đó tách riêng quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị định quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật (giữ như quy định tại Luật BHVBQPPL 2015) và quy trình lập đề nghị xây dựng ND quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật (theo hướng rút gọn hơn, không bao gồm các bước lấy ý kiến, thẩm định tại Bộ Tư pháp...). Thẩm quyền thông qua đề nghị xây dựng ND đối với 02 loại ND này cũng có sự khác nhau: cụ thể khoản 2 Điều 84 Luật BHVBQPPL (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: Bộ, cơ quan ngang bộ trình Chính phủ đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này; trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này.
1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có đề xuất xây dựng nghị định hoặc được Thống đốc phân công chủ trì xây dựng nghị định: a) Thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 85 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; c) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10, 11 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định và gửi Vụ Pháp chế để cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định; d) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị định; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đ) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách để trình Chính phủ xem xét thông qua đề nghị xây dựng nghị định; e) Sao gửi Văn phòng đề nghị xây dựng nghị định sau khi được thông qua đề tổng hợp vào chương trình công tác của Ngân hàng Nhà nước và chương trình công tác của Chính phủ; gửi Vụ Pháp chế để nghị xây dựng nghị định sau khi được thông qua để theo dõi, đôn đốc. Trường hợp cần điều chỉnh đề nghị xây dựng nghị định, đơn vị lập đề nghị phối hợp với Văn phòng thực hiện việc điều chỉnh theo quy định về điều chỉnh chương trình công tác của Chính phủ và gửi Vụ Pháp chế để theo dõi,	“Điều 10. Đề nghị xây dựng nghị định 1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có đề xuất xây dựng nghị định hoặc được Thống đốc phân công chủ trì xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: a) Thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, 2 Điều 85 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 1 Điều 87, khoản 3 Điều 89 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung); c) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận đề nghị xây dựng nghị định. 2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có đề xuất xây dựng nghị định hoặc được Thống đốc phân công chủ trì xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: a) Thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 85 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	

đôn đốc. 2. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị định, trường hợp đề nghị xây dựng nghị định có nội dung phức tạp, còn có ý kiến khác nhau, đơn vị lập đề nghị báo cáo Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách đề xin ý kiến Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước. 3. Đối với các nghị định thuộc danh mục văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh không thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 1, 2 Điều này, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương này.	(đã được sửa đổi, bổ sung); c) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Điều 86 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10, 11 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định và gửi Vụ Pháp chế để cho ý kiến trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định; d) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng nghị định; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung); đ) Trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách để trình Chính phủ xem xét thông qua đề nghị xây dựng nghị định. 3. Đơn vị quy định tại khoản 1, 2 Điều này thực hiện sao gửi Văn phòng đề nghị xây dựng nghị định sau khi được thông qua, được chấp thuận để tổng hợp vào chương trình công tác của Ngân hàng Nhà nước và chương trình công tác của Chính phủ. <i>Trường hợp cần điều chỉnh đề nghị xây dựng nghị định, đơn vị phối hợp với Văn phòng thực hiện việc điều chỉnh theo quy định về điều chỉnh chương trình công tác của Chính phủ.</i> 4. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị định, trường hợp đề nghị xây dựng	- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Vụ Pháp chế có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện chương trình Nghị định. Theo quy định tại Nghị định 08/2012/NĐ-CP về quy chế làm việc của Chính phủ, các đề án là Nghị định sẽ được tổng hợp vào chương trình công tác của Chính phủ. Việc theo dõi, đôn đốc, báo cáo tiến độ, điều chỉnh các đề án (trong đó có Nghị định) sẽ thực hiện theo chương trình công tác của Chính phủ. Theo quy chế làm việc của Ngân hàng Nhà nước, Văn phòng là đơn vị đầu mối chủ trì trong việc theo dõi, đôn đốc, báo cáo tiến độ và điều chỉnh chương trình đối với các đề án thuộc Chương trình công tác của Chính phủ, chương trình công tác của Ngân hàng Nhà nước.
--	---	---

Điều 11. Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh 1. Ngoài những nội dung theo quy định về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Thông tư này, đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn vị lập đề nghị cần bổ sung những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung; b) Phân tích sự cần thiết, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 7 Luật Đầu tư; c) Căn cứ sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh và đối tượng phải tuân thủ; d) Đánh giá tính hợp lý, khả thi của việc sửa đổi, bổ sung	nghị định có nội dung phức tạp, còn có ý kiến khác nhau, đơn vị lập đề nghị báo cáo Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách đề xin ý kiến Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước. 5. Đối với các nghị định thuộc danh mục văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh không thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương này”.	Như vậy, quy định về nhiệm vụ theo dõi, đơn đốc thực hiện việc xây dựng Nghị định có sự trùng lặp và không thống nhất. Thực tế hiện nay, Văn phòng vẫn đang thực hiện theo dõi, đơn đốc việc thực hiện các Chương trình công tác, trong đó bao gồm cả công việc xây dựng Nghị định của Chính phủ. Do đó, để tránh trùng chéo nhiệm vụ, dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 27/2016/TT-NHNN theo hướng: chuyển nhiệm vụ theo dõi, đơn đốc việc xây dựng Nghị định từ Vụ Pháp chế sang Văn phòng. Điều 14 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó bỏ quy định bộ, ngành khi lập đề nghị phải gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư; sửa đổi, bổ sung các nội dung đơn vị phải thực hiện trong quá trình lập đề nghị. Trên cơ sở đó, đề phù hợp với quy định tại Điều 14 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định theo hướng: Ngoài những nội dung theo quy định về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Thông tư này, đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề
Điều 11. Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh 1. Ngoài những nội dung theo quy định về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Thông tư này, đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, đơn vị lập đề nghị cần bổ sung những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh dự kiến sửa đổi, bổ sung; b) Phân tích sự cần thiết, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh phù hợp với quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 7 Luật Đầu tư; c) Căn cứ sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh và đối tượng phải tuân thủ; d) Đánh giá tính hợp lý, khả thi của việc sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau: “Điều 11. Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh Ngoài những nội dung theo quy định về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Thông tư này, đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, việc lập đề nghị còn phải đảm bảo tuân thủ quy định về đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.”.	Điều 14 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó bỏ quy định bộ, ngành khi lập đề nghị phải gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư; sửa đổi, bổ sung các nội dung đơn vị phải thực hiện trong quá trình lập đề nghị. Trên cơ sở đó, đề phù hợp với quy định tại Điều 14 Nghị định 31/2021/NĐ-CP, dự thảo Thông tư quy định theo hướng: Ngoài những nội dung theo quy định về lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định quy định tại Điều 7, 8 và Điều 10 Thông tư này, đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề

ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh và sự phù hợp với điều ước quốc tế về đầu tư; đ) Đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của các đối tượng phải tuân thủ. 2. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, đơn vị lập đề nghị trình Thông đốc hoặc Phó Thông đốc phụ trách gửi lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh. Điều 15. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo 3. Trong thời hạn <u>20 ngày</u> kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua, Vụ Pháp chế nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện dự thảo danh mục văn bản quy định chi tiết trình Thông đốc ký gửi Bộ Tư pháp.	Khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau: “3. Trong thời hạn <u>15 ngày</u> kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua, Vụ Pháp chế nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện dự thảo danh mục văn bản quy định chi tiết trình Thông đốc ký gửi Bộ Tư pháp.” Bổ sung Điều 17a như sau: “Điều 17a. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo <i>Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư mà trong đó có nội dung giao ban hành văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm:</i> <i>1. Đối với các nội dung giao Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản quy định chi tiết:</i> <i>a) Lập dự thảo danh mục văn bản quy định</i>	đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, việc lập đề nghị còn phải đảm bảo tuân thủ quy định về đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	Rút ngắn thời hạn gửi danh mục văn bản quy định chi tiết cho Bộ Tư pháp tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung) từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.
		Điều 29a Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2016/NĐ-CP bổ sung quy định trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc ban hành quy định chi tiết Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Do đó, dự thảo Thông tư bổ sung Điều 17a phù hợp với Điều 29a Nghị định 154 theo hướng quy định giao đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện việc lập danh mục, thông báo cho cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết,	

chỉ tiết, trong đó dự kiến phân công đơn vị chủ trì soạn thảo trong trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo là Ngân hàng Nhà nước và gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước. Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia ý kiến. b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện dự thảo danh mục văn bản quy định chỉ tiết trình Thông đốc thông qua và gửi các đơn vị được phân công biết, thực hiện. 2. Đối với các nội dung giao cơ quan khác ban hành văn bản quy định chỉ tiết: a) Trình Thông đốc hoặc Phó Thông đốc phụ trách ký văn bản thông báo cho các cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chỉ tiết về các nội dung nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư giao quy định chỉ tiết; b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo ban hành văn bản quy định chỉ tiết; c) Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chỉ tiết về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chỉ tiết, đơn vị chủ trì soạn thảo tổng hợp, báo cáo Thông đốc hoặc Phó Thông đốc phụ trách xử lý theo thẩm quyền (đối với	theo dõi, đôn đốc, xử lý văn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chỉ tiết. Việc giao đơn vị chủ trì soạn thảo đảm bảo quá trình triển khai xây dựng văn bản quy định chỉ tiết kịp thời, nhanh chóng. Bên cạnh đó, đơn vị chủ trì soạn thảo nắm bắt được rõ nhất nội dung giao quy định chỉ tiết, do đó có thể tham mưu, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chỉ tiết.
---	---

	Thông tư của Ngân hàng Nhà nước) hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (đối với nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo).”.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau: “2. Việc soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 Chương III, Điều 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, Mục 3 Chương V Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Mục 1, tiểu mục 1 Mục 2 Chương IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.”.	Sửa dẫn chiếu để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung)
Điều 18. Quy trình soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ 2. Việc soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 Chương III, Điều 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, Mục 3 Chương V Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Mục 1, tiểu mục 1 Mục 2 Chương IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.			
Điều 19. Quy trình soạn thảo thông tư 1. Xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách mới (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 31 <u>Nghị định 34/2016/NĐ-CP</u> đối với trường hợp soạn thảo thông tư quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Xây dựng dự thảo thông tư. 3. Lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia đối với dự thảo thông tư. 4. Thẩm định dự thảo thông tư. 5. Trình ký ban hành thông tư.	Bổ sung Điều 19a vào như sau: “Điều 19a. Quy trình soạn thảo thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn 1. Trường hợp ban hành thông tư thuộc khoản 1 Điều 146 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Thống đốc ký văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, văn bản lấy ý kiến gồm các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định 34/2016/NĐ-CP. Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì soạn báo cáo Thống đốc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn. 2. Trường hợp ban hành thông tư thuộc khoản 2, 4 Điều 146 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), đơn vị được giao chủ trì soạn thảo trình Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ	Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHVBQPPL đã bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn. Theo đó, dự thảo Thông tư bỏ sung Điều 19a quy định về quy trình soạn thảo thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn phù hợp với Điều 146, khoản 3, 3a Điều 147, Điều 148 Luật ban hành văn bản QPPL (đã được sửa đổi, bổ sung).	

	trách quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. 3. Quy trình xây dựng Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn: a) Xây dựng dự thảo Thông tư theo quy định tại Điều 21 Thông tư này; b) Khi xây dựng Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn, Đơn vị chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày; c) Thẩm định dự thảo Thông tư theo quy định tại khoản 1, 2a, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 24 Thông tư này; d) Trình ký ban hành Thông tư theo quy định tại Điều 25 Thông tư này. ”.	
Điều 21. Lấy ý kiến đối với dự thảo thông tư 2. Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước: b) Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia ý kiến (trừ trường hợp tổ chức lấy ý kiến về thủ tục hành chính theo quy định tại điểm d khoản này). Trong trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể đưa ra thời hạn lấy ý kiến ngắn hơn thời hạn nêu trên, nhưng tối thiểu phải là 03 ngày làm việc. Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời theo thời hạn ghi trên công văn gửi lấy ý kiến; đ) Đối với dự thảo thông tư có quy định về thủ tục hành	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 21 như sau: “b) Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia ý kiến. Trong trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể đưa ra thời hạn lấy ý kiến ngắn hơn thời hạn nêu trên, nhưng tối thiểu phải là 03 ngày làm việc. Đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời theo thời hạn ghi trên công văn gửi lấy ý kiến;”.	Hợp nhất Thông tư 16/2017/TT-NHNN với Thông tư 27/2016/TT-NHNN để đảm bảo việc theo dõi văn bản cho thuận tiện.

chính, ngoài việc tham gia ý kiến về nội dung, Vụ Pháp chế có trách nhiệm cho ý kiến về thủ tục hành chính tại dự thảo Thông tư. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về thủ tục hành chính.	Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 21 Thông tư số 27/2016/TT-NHNN	
Điều 23. Tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia 1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến, chỉnh lý dự thảo thông tư. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, đơn vị chủ trì soạn thảo phải giải trình cụ thể. Việc tiếp thu ý kiến góp ý đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư phải được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến. 2. Đối với những vấn đề phức tạp có ý kiến khác nhau, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Thống đốc hoặc Phó Thống đốc phụ trách để xin ý kiến chỉ đạo. 3. Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia và chỉnh lý lại dự thảo văn bản, nếu xét thấy cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến tham gia của đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Bổ sung khoản 4 Điều 23 như sau: <i>“4. Khi lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trường hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo tham mưu Thống đốc trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.”</i>	Luật BHVBQPPL năm 2020 sửa đổi, bổ sung Điều 6 để quy định về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL. Cụ thể, khoản 2 Điều 6 quy định rõ thời điểm thực hiện phản biện xã hội được thực hiện trong giai đoạn tổ chức lấy ý kiến về dự thảo VBQPPL và trường hợp dự thảo VBQPPL đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định, thẩm tra, trình cơ quan có thẩm quyền phải bao gồm văn bản phản biện xã hội. Đồng thời, bổ sung trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội khi chỉnh lý dự thảo văn bản. Các nội dung khác liên quan đến phản biện xã hội được thực hiện theo quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Do đó, dự thảo Thông tư quy định theo hướng: Khi lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trường hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo tham mưu Thống đốc trả lời bằng văn bản

		đổi với ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Điều 24. Thẩm định dự thảo thông tư 2. Hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm: a) Công văn đề nghị thẩm định; b) Dự thảo tờ trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư này; c) Dự thảo thông tư sau khi tiếp thu ý kiến của đơn vị, tổ chức, cá nhân; đ) Bản tổng hợp ý kiến, giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến của đơn vị, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; đ) Bản thuyết minh các nội dung của dự thảo thông tư hoặc bản so sánh và thuyết minh những điểm khác nhau giữa dự thảo thông tư với văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế (trường hợp soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế); e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách mới theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này (nếu có); bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính và báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có); g) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có). ... 6. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Pháp chế có văn bản thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo. Trường hợp cấp bách, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định.	Bổ sung khoản 2a vào Điều 24 như sau: <i>“2a. Hồ sơ đề nghị thẩm định đối với thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm:</i> <i>a) Công văn đề nghị thẩm định;</i> <i>b) Dự thảo tờ trình theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư này;</i> <i>c) Dự thảo thông tư;</i> <i>đ) Bản tổng hợp ý kiến, giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến của đơn vị, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý (nếu có);</i> <i>đ) Bản thuyết minh các nội dung của dự thảo thông tư hoặc bản so sánh và thuyết minh những điểm khác nhau giữa dự thảo thông tư với văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế (trường hợp soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế);</i> <i>e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách mới theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này (nếu có); bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính và báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);</i> <i>g) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có). ”.</i> Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 24 như sau: “6. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Pháp chế có văn bản thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo. Trường hợp cấp bách hoặc trong trường	Căn cứ Điều 148 Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHVBQPPL về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, dự thảo Thông tư bổ sung quy định về Hồ sơ đề nghị thẩm định đối với thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn để đảm bảo cho các đơn vị thuận tiện theo dõi và thực hiện. Về thời hạn thẩm định, sửa lại quy định về thời hạn thẩm định trong trường hợp cấp bách hoặc ban hành Thông tư theo trình tự, rút gọn, thời hạn thẩm định là 7 ngày kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận đủ hồ sơ thẩm định.

	hợp ban hành Thông tư theo trình tự thủ tục rút gọn, Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư trong thời hạn tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định.”.	
Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước 1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm: a) Tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn và quy định tại Thông tư này; b) Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản, kịp thời báo cáo Thống đốc, Phó Thống đốc phụ trách về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng văn bản; c) Chậm nhất ngày 23 hàng tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Vụ Pháp chế, Văn phòng, các đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi Vụ Pháp chế, Văn phòng báo cáo tình hình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (bằng bản giấy và bản điện tử). Trường hợp tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị bị chậm thì báo cáo phải nêu rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục. 2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm: b) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ; báo cáo Thống đốc những vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi, đôn đốc việc triển khai xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị; d) Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, Vụ Pháp chế có trách nhiệm cập nhật thông tin điện tử tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết gửi Bộ Tư pháp;	Bổ sung điểm d, đ vào khoản 1 Điều 32 như sau: “d) Các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Ngân hàng Nhà nước chủ trì soạn thảo báo cáo tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết theo yêu cầu của đơn vị quy định tại Điều 17a Thông tư này; đ) Chậm nhất ngày 31 tháng 12, các đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo kết quả triển khai xây dựng Thông tư của năm đó bằng bản giấy và bản điện tử gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Thống đốc.”. Sửa đổi, bổ sung điểm b, d, đ khoản 2 Điều 32 như sau: “b) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Thông tư của Ngân hàng Nhà nước, xây dựng luật, pháp lệnh và văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh đúng tiến độ; báo cáo Thống đốc những vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi, đôn đốc việc triển khai các văn bản này của các đơn vị;” “d) Chậm nhất ngày 25 hàng tháng, Vụ Pháp chế có trách nhiệm cập nhật thông tin	Bổ sung trách nhiệm của đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết để có cơ sở để đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản được quy định chi tiết thực hiện được trách nhiệm theo dõi, đôn đốc quy định tại Điều 17a dự thảo Thông tư Bổ sung quy định để đảm bảo cơ sở để Vụ Pháp chế thực hiện báo cáo kết quả CTXDTT hàng năm theo quy định. Sửa đổi, bổ sung phù hợp với nội dung sửa đổi tại Khoản 3 Điều 10 dự thảo Thông tư. Sửa đổi, bổ sung để phù hợp Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

đ) Chậm nhất ngày 05 tháng đầu mỗi quý, Vụ Pháp chế có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết gửi Bộ Tư pháp. 3. Văn phòng có trách nhiệm: Báo cáo về tình hình, tiến độ xây dựng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định về chế độ báo cáo thực hiện các đề án trong chương trình công tác của Chính phủ.	điện tử tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi Bộ Tư pháp; đ) Chậm nhất ngày 05 tháng đầu mỗi quý, Vụ Pháp chế có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi Bộ Tư pháp”. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 32 như sau: “3. Văn phòng có trách nhiệm: Theo dõi, đơn đốc các đơn vị thực hiện xây dựng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đúng tiến độ; báo cáo về tình hình, tiến độ xây dựng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định về chế độ báo cáo thực hiện các đề án trong chương trình công tác của Chính phủ.”.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với nội dung sửa đổi tại Khoản 3 Điều 10 dự thảo Thông tư.
---	--	--

VỤ PHÁP CHẾ 